

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

QUÝ 3 NĂM 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối quý
I	Tài sản ngắn hạn	526,477,636,629	473,556,072,451
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10,853,224,389	12,789,098,440
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	311,135,611,190	409,810,999,467
4	Hàng tồn kho	185,146,938,616	39,523,588,397
5	Tài sản ngắn hạn khác	19,341,862,434	11,432,386,147
II	Tài sản dài hạn	857,720,409,507	968,684,064,085
1	Các khoản phải thu dài hạn		-
2	Tài sản cố định	150,598,172,150	222,450,103,036
	- Tài sản cố định hữu hình	49,564,669,558	48,942,449,326
	- Tài sản cố định vô hình	-	178,701,827
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	101,033,502,592	173,328,951,883
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	706,322,737,000	741,790,237,000
5	Tài sản dài hạn khác	799,500,357	4,443,724,049
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,384,198,046,136	1,442,240,136,536
IV	Nợ phải trả	782,619,909,565	696,011,917,369
1	Nợ ngắn hạn	692,975,530,282	543,704,986,783
2	Nợ dài hạn	89,644,379,283	152,306,930,586
V	Vốn chủ sở hữu	601,578,136,571	742,880,609,813
1	Vốn chủ sở hữu	601,491,419,632	744,190,450,540
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450,000,000,000	585,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		-
	- Vốn khác của chủ sở hữu		-
	- Cổ phiếu quỹ		(50,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-
	- Các quỹ		-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	151,491,419,632	159,190,500,540
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	86,716,939	(1,309,840,727)
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	86,716,939	(1,309,840,727)
	- Nguồn kinh phí		-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-
VI	Lợi ích của cổ đông thiểu số		3,347,609,354
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,384,198,046,136	1,442,240,136,536

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2008	Luỹ kê từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	243,861,016,515	920,975,610,720
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	243,861,016,515	920,975,610,720
4	Giá vốn hàng bán	201,476,479,797	767,042,839,679
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,384,536,718	153,932,771,041
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,026,921,527	4,680,662,593
7	Chi phí tài chính	628,200,495	8,705,227,112
8	Chi phí bán hàng	-	171,506,465
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,641,760,931	5,326,372,935
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42,141,496,819	144,410,327,122
11	Thu nhập khác	339,267,000	7,474,032,705
12	Chi phí khác	432,317,236	7,566,164,459
13	Lợi nhuận khác	(93,050,236)	(92,131,754)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42,048,446,583	144,318,195,368
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	209,012,625	1,571,505,106
16	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	16,994,350	47,609,354
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	41,822,439,608	142,699,080,908
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

Ghi chú : Nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận quý 3 năm 2008 của Công ty giảm so với quý 2 năm 2008 là do doanh thu từ chuyển nhượng thuê đất và bán nhà xưởng của Chi nhánh Bắc Ninh giảm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ MỸ HẠNH

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯỢNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	9/30/2008	1/1/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		473,556,072,451	526,477,636,629
I. Tiền	110		12,789,098,440	10,853,224,389
1. Tiền	111	V.1.1	10,989,098,440	10,853,224,389
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1.2	1,800,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		409,810,999,467	311,135,611,190
1. Phải thu khách hàng	131	V.2.1	164,404,178,550	7,647,637,156
2. Trả trước cho người bán	132	V.2.2	14,296,105,778	66,143,569,459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.2.3	34,799,893,451	172,979,266,655
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2.4	196,310,821,688	64,365,137,920
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3.	39,523,588,397	185,146,938,616
1. Hàng tồn kho	141		39,523,588,397	185,146,938,616
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,432,386,147	19,341,862,434
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4.1	2,500,942,940	103,786,305
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.4.2	8,931,443,207	19,238,076,129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		968,684,064,085	857,720,409,507
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		222,450,103,036	150,598,172,150
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5.1	48,942,449,326	49,564,669,558
- Nguyên giá	222		56,468,542,259	57,693,037,586
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,526,092,933)	(8,128,368,028)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.5.2	178,701,827	-
- Nguyên giá	228		208,497,564	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29,795,737)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	173,328,951,883	101,033,502,592
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		741,790,237,000	706,322,737,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7.1	31,690,000,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7.2	252,805,212,000	244,077,712,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7.3	457,295,025,000	462,245,025,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,443,724,049	799,500,357
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.1	3,649,115,201	519,735,749
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.8.2	794,608,848	279,764,608
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			1,442,240,136,536	1,384,198,046,136

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	9/30/2008	1/1/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		696,011,917,369	782,619,909,565
I. Nợ ngắn hạn	310		543,704,986,783	692,975,530,282
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.1	22,356,000,000	148,537,000,000
2. Phải trả cho người bán	312	V.9.2	4,814,187,369	1,809,508,632
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9.3	5,452,525,663	15,346,032,659
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.4	2,299,819,378	44,080,490,093
5. Phải trả người lao động	315	V.9.5	383,728,182	462,832,930
6. Chi phí phải trả	316	V.9.6	310,038,428,369	126,590,466,156
7. Phải trả nội bộ	317	V.9.7	34,799,893,451	172,979,266,655
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9.8	163,560,404,371	183,169,933,157
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		152,306,930,586	89,644,379,283
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.10.1	1,716,930,586	1,716,930,586
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10.2	150,590,000,000	87,927,448,697
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		742,880,609,813	601,578,136,571
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410	V.11.	744,190,450,540	601,491,419,632
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		585,000,000,000	450,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(50,000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	159,190,500,540	151,491,419,632
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.12.	(1,309,840,727)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	(1,309,840,727)	86,716,939
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		3,347,609,354	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,442,240,136,536	1,384,198,046,136

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ MỸ HẠNH

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			2008	2007	2008	2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.1	243,861,016,515	226,272,133,646	920,975,610,720	589,309,736,114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		243,861,016,515	226,272,133,646	920,975,610,720	589,309,736,114
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	201,476,479,797	173,396,476,866	767,042,839,679	471,174,652,610
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		42,384,536,718	52,875,656,780	153,932,771,041	118,135,083,504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	2,026,921,527	163,159,328	4,680,662,593	1,775,460,648
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	628,200,495	3,576,084	8,705,227,112	354,311,024
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		447,123,646	-	3,114,260,469	278,076,452
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5.	-	16,761,429	171,506,465	25,365,238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6.	1,641,760,931	843,715,603	5,326,372,935	2,556,056,150
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42,141,496,819	52,174,762,992	144,410,327,122	116,974,811,740
11. Thu nhập khác	31	VI.7.	339,267,000	307,791	7,474,032,705	222,979,307
12. Chi phí khác	32	VI.8.	432,317,236	20,885	7,566,164,459	32,948,696
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		(93,050,236)	286,906	(92,131,754)	190,030,611
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		42,048,446,583	52,175,049,898	144,318,195,368	117,164,842,351
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	209,012,625	11,253,906,978	1,571,505,106	24,514,124,697
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41,839,433,958	40,921,142,920	142,746,690,262	92,650,717,654
<i>17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>			<i>16,994,350</i>	<i>-</i>	<i>47,609,354</i>	<i>-</i>
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	VI.10.		41,822,439,608	40,921,142,920	142,699,080,908	92,650,717,654
19. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70					

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ MỸ HẠNH

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯƠNG

—
—
—
—

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			2008	2007
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		144,318,195,368	117,164,842,351
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		(572,479,358)	1,764,421,640
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05		(4,666,670,743)	(1,719,167,462)
Chi phí lãi vay	06		3,114,260,469	278,076,452
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		142,193,305,736	117,488,172,981
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(88,883,599,595)	(204,840,727,240)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		145,623,350,219	16,958,376,127
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(124,183,284,149)	85,831,004,249
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		(5,526,536,087)	(487,214,305)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3,114,260,469)	(278,076,452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(32,177,764,456)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,396,557,666)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32,534,653,533	14,671,535,360
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(71,279,451,528)	(37,607,320,418)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(35,467,500,000)	(394,065,737,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,666,670,743	1,719,167,462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(102,080,280,785)	(429,953,889,956)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		134,999,950,000	400,000,000,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33		120,950,000,000	60,305,388,353
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(184,468,448,697)	(21,250,324,003)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(10,130,908,278)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		-	(380,601,656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71,481,501,303	428,543,554,416
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10,853,224,389	1,753,415,399
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		12,789,098,440	15,014,615,219

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ MỸ HẠNH

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯỢNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 05 tháng 12 năm 2007) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 630,000,000,000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/9/2008 là 585,000,000,000 VNĐ

Trụ sở chính công ty hiện đặt tại: Lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty có hai công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt và Công ty Cổ phần truyền thông VTC - Saigontel. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần truyền thông VTC - Saigontel mới được thành lập, chưa hoạt động nên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2008 của Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn chỉ hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt.

Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009071 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính công ty hiện đặt tại: 65-65A đường 3/2, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, mạng viễn thông

Tổng vốn điều lệ của Công ty Cộng Đồng Việt là 30,000,000,000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/9/2008 là 14,600,000,000 VNĐ

Số vốn Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn góp vào Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt đến thời điểm 30/9/2008 là 11.300.000.000 VNĐ

Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn là 55%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư, kinh doanh thương mại, xây dựng, thiết kế, tư vấn và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

Sản xuất, mua bán phần mềm.

Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

Đào tạo dạy nghề.

Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).

Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Dịch vụ chuyên giao công nghệ.

Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV.

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.

Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy nhập internet tại trụ sở).

Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).

Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.

Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

4. Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý 3 năm 2008: Không có hoạt động nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị.

5. Tổng số Công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Công ty: 147 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 28 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng, Công ty được phép áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 55/2002/TT-BTC ngày 26 tháng 06 năm 2002.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là **Nhật Ký Chung**.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30/9/2008. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phân ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở tài khoản vốn. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục mang tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian là 5 năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao Tài sản cố định: Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại [Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính](#).

Thời gian khấu hao được áp dụng tại Công ty cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25	năm
Máy móc, thiết bị	05	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05	năm
Tài sản cố định thuê tài chính	15	năm

5. Thông tin về các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh. Chi phí lãi vay được vốn hóa khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí thành lập doanh nghiệp
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo)
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn
- Chi phí nghiên cứu
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn
- Lợi thế thương mại
- Chi phí thuê đất trả trước.

Chi phí khác: chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh dở dang được tính vào giá trị của sản phẩm sản xuất ra (được vốn hoá). Chi phí được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng chi phí phát sinh trong kỳ đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: doanh nghiệp căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: doanh nghiệp căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hoặc khấu hao hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Bao gồm những chi phí sau: Chi phí tiền điện, nước, chi phí tiền lương ...

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm với mức trích lập từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, p.hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích ktế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các đk ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, hoặc cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng trả tiền một lần: theo phương pháp "lô đất" tức doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần. (Theo thông tư 55/2002/TT-BTC ngày 26 tháng 06 năm 2002).

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Theo Nghị Định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Thủ Tướng Chính Phủ và Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính thì Công ty được hưởng các chính sách ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với Văn phòng công ty

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2002 đến 2012,

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) kể từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 (sáu) năm kể từ năm 2004 đến năm 2009.

- Riêng đối với hoạt động kinh doanh phần mềm, thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 28%, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014).

Đối với Chi Nhánh Bắc Ninh

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 28%. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 28%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề

- Doanh nghiệp đã chọn phương pháp xác định doanh thu là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm, do vậy theo quy định tại Tiết h Điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) cho số năm bên thuê trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

Đối với Chi Nhánh Tân Tạo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế.

Đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế.

Các chính sách thuế khác

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

Thuế hiện hành: Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	9/30/2008	1/1/2008
1.1 Tiền	10,989,098,440	10,853,224,389
Tiền mặt	3,880,603,901	544,060,440
<i>Tiền mặt văn phòng công ty</i>	<i>463,576,753</i>	<i>479,769,844</i>
<i>Tiền mặt chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>107,104,736</i>	<i>44,046,396</i>
<i>Tiền mặt chi nhánh Tân Tạo</i>	<i>3,273,785,287</i>	<i>20,244,200</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<i>Tiền mặt Cty Cộng Đồng Việt</i>	36,137,125	-
Tiền gửi ngân hàng	7,108,494,539	10,309,163,949
<i>Tiền gửi ngân hàng văn phòng công ty</i>	1,229,292,246	4,732,398,444
- Ngân hàng Công Thương - CN I	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	-	-
- Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	66.01 USD #	
- Ngân hàng TMCP Việt Á	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	10.00 USD #	
- Ngân hàng Ngoại thương Tp. Hồ Chí Minh	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	506.08 USD #	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	103.61 USD #	
- Ngân hàng NN&PTNTVN	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng Chi nhánh Bắc Ninh</i>	5,345,411,000	5,453,205,876
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	-	-
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>		
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	1,794.07 USD #	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Bắc Ninh (VNĐ)		
<i>Tiền gửi ngân hàng Chi nhánh Tân Tạo</i>	24,315,349	123,559,629
- Ngân hàng Nông Nghiệp (VNĐ)		-
- Ngân hàng TMCP Nam Việt (VNĐ)		-
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (VNĐ)		-
<i>Tiền gửi ngân hàng Cty Cộng Đồng Việt</i>	509,475,944	-
Tiền đang chuyển	-	-
1.2 Các khoản tương đương tiền	1,800,000,000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1,800,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của văn phòng công ty	-	-
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Cty Công Đồng Việt	1,800,000,000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn thanh khoản dưới 3 tháng	-	-
Các khoản khác	-	-
Tổng cộng	12,789,098,440	10,853,224,389
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9/30/2008	1/1/2008
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Chi nhánh Tân Tạo	-	-
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	-	-
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
Tổng cộng	-	-
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	9/30/2008	1/1/2008
2.1 Phải thu khách hàng	164,404,178,550	7,647,637,156
<i>Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty</i>	<i>41,254,265,546</i>	<i>5,679,965,306</i>
<i>Phải thu khách hàng của Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>122,572,427,536</i>	<i>1,967,671,850</i>
<i>Phải thu khách hàng của Chi nhánh Tân Tạo</i>	<i>572,905,468</i>	-
<i>Phải thu khách hàng của Cty Công Đồng Việt</i>	<i>4,580,000</i>	-
2.2 Trả trước người bán	14,296,105,778	66,143,569,459
<i>Trả trước người bán của Văn phòng Công ty</i>	<i>1,866,923,028</i>	<i>62,404,868,679</i>
<i>Trả trước người bán của Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>12,354,182,750</i>	<i>3,738,700,780</i>
<i>Trả trước người bán của Cty Công Đồng Việt</i>	<i>75,000,000</i>	-
2.3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	34,799,893,451	172,979,266,655
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>19,168,718,822</i>	<i>40,030,000,000</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>15,631,174,629</i>	<i>132,949,266,655</i>
<i>Chi nhánh Tân Tạo</i>	-	-
<i>Cty Công Đồng Việt</i>	-	-
Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
2.4 Phải thu khác	196,310,821,688	64,365,137,920
<i>Tạm ứng</i>	<i>73,561,080,952</i>	<i>635,503,065</i>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>199,398,715</i>	<i>468,247,305</i>
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	<i>73,295,330,760</i>	<i>163,655,760</i>
<i>Chi nhánh Tân Tạo</i>	<i>-</i>	<i>3,600,000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<i>Cty Cộng Đồng Việt</i>	66,351,477	-
Ký quỹ ngắn hạn	163,772,891	138,281,188
<i>Văn phòng Công ty</i>	110,772,891	138,281,188
<i>Cty Cộng Đồng Việt</i>	53,000,000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Phải thu khác	122,585,967,845	63,591,353,667
<i>Phải thu khác của Văn phòng Công ty</i>	23,178,000	16,710,000
<i>Phải thu khác của Chi Nhánh Bắc Ninh</i>	122,557,289,845	63,574,643,667
<i>Phải thu khác của Chi Nhánh Tân Tạo</i>	5,500,000	-
Tổng Cộng	409,810,999,467	311,135,611,190
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	409,810,999,467	311,135,611,190

(*) Cho tới thời điểm lập báo cáo này, chưa nhận được thư xác nhận công nợ từ khách hàng.

(**) Trong năm 2006, Công ty Toàn Thắng lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 168.090.000 VNĐ của những khách hàng trên. Do không còn khả năng thu hồi công nợ.

3. Hàng tồn kho	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	13,509,671,405	11,363,681,182
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	38,186,402	38,186,402
Công cụ, dụng cụ trong kho	-	-
Chi phí sản xuất dở dang	13,471,485,003	11,325,494,780
Thành phẩm tồn kho	-	-
Hàng hoá	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Hàng hoá bất động sản	-	-
Chi Nhánh Bắc Ninh	-	-
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	-	-
Chi phí sản xuất dở dang	-	-
Thành phẩm tồn kho	-	-
Hàng hoá	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Hàng hoá bất động sản	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	17,756,014,480	173,783,257,434
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	-	-
Chi phí sản xuất dở dang	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Thành phẩm tồn kho	-	-
Hàng hoá	17,756,014,480	173,783,257,434
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Hàng hoá bất động sản	-	-
Cty Cộng Đồng Việt	8,257,902,512	-
Chi phí sản xuất dở dang	4,080,711,940	-
Hàng hoá	4,177,190,572	-
Tổng Cộng	39,523,588,397	185,146,938,616
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	39,523,588,397	185,146,938,616

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VNĐ.

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VNĐ.

* Các t.hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK: 0 VNĐ.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	9/30/2008	1/1/2008
4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Số đầu năm	103,786,305	89,157,521
Phát sinh trong năm	3,432,659,073	263,460,793
Kết chuyển chi phí	1,035,502,438	248,832,009
Số cuối năm	2,500,942,940	103,786,305

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí phân bổ của Công cụ dụng cụ.

Chi phí trả trước được kết chuyển vào chi phí theo nguyên tắc phân bổ vào chi phí không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh chi phí này.

4.2 Thuế GTGT được khấu trừ	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	7,193,316,983	2,713,306,674
Chi Nhánh Bắc Ninh	403,063,532	-
Chi Nhánh Tân Tạo	553,665,897	16,524,769,455
Cty Cộng Đồng Việt	781,396,795	-
Cộng	8,931,443,207	19,238,076,129

4.3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	9/30/2008	1/1/2008
Thuế TNDN nộp thừa	-	-
Văn phòng Công ty	-	-
Cộng	-	-

Tài sản ngắn hạn khác	9/30/2008	1/1/2008
Tài sản ngắn hạn khác A	-	-
Tài sản ngắn hạn khác B	-	-
Cộng	-	-
Tổng Cộng	11,432,386,147	19,341,862,434

Các khoản phải thu dài hạn

Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
Phải thu dài hạn khách hàng trong nước	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
Phải thu dài hạn khách hàng nước ngoài	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
<i>Vốn đầu tư vào đơn vị nội bộ</i>	-	-
<i>Vốn đầu tư khác</i>	-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
<i>Cho vay nội bộ</i>	-	-
<i>Cho vay nội bộ khác</i>	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
Tổng Cộng	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (-)	(**)	-
<i>Công ty B</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu dài hạn	-	-

(*) Cho tới thời điểm lập báo cáo này, chưa nhận được thư xác nhận công nợ từ khách hàng.

(**) Trong năm 2006, Công ty Toàn Thắng lập dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi: 168.090.000 VNĐ của những khách hàng trên. Do không còn khả năng thu hồi công nợ.

5. Tài sản cố định		Đơn vị tính: ngàn đồng VNĐ					
5.1	Tài sản cố định Hữu hình	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
	Nguyên giá						
	Số dư đầu năm	36,594,391	19,059,552	1,415,044	624,051	-	57,693,038
	- Mua trong năm	-	5,590,045	1,355,721	326,602	-	7,272,369
	-ĐT XD CB h. thành	2,231,800	-	-	-	-	2,231,800
	- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
	- Chuyển sang BĐS	-	-	-	-	-	-
	- Thanh lý, nhượng bán	117,595	10,164,067	447,002	-	-	10,728,664
	- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
	Số dư cuối năm	38,708,595	14,485,530	2,323,763	950,653	-	56,468,542
	Giá trị hao mòn lũy kế						
	Số dư đầu năm	598,073	6,263,151	736,908	530,237	-	8,128,368
	- Khấu hao trong năm	1,163,093	1,497,434	180,484	75,758	-	2,916,770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- DT XD CB h. thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	111,715	3,392,430	14,900	-	-	3,519,045
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1,649,451	4,368,156	902,492	605,995	-	7,526,093
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	35,996,318	12,796,401	678,137	93,814	-	49,564,670
Số dư cuối năm	37,059,144	10,117,375	1,421,272	344,659	-	48,942,449

* Giá trị nguyên giá của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ.

* Nguyên giá Tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VNĐ.

* Nguyên giá Tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán Tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không.

Tài sản cố định	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Thuê Tài Chính						
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Thuê TC trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ Thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ Thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ Thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ Thuê TC	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 0 VNĐ.

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: không phát sinh thuê thêm.

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Trong năm 2007, Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn đã mua lại tài sản cố định thuê tài chính.

5.2 Tài sản cố định Vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	208,498	-	208,498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-	
- Tăng do hợp nhất KD	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	-	-	-	208,498	-	208,498
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	29,796	-	29,796
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	29,796	-	29,796
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	178,702	-	178,702

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	61,541,605,801	1,814,750,000
<i>Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành</i>	<i>1,417,117,487</i>	-
<i>Dự án KCN Tân Phú Trung</i>	<i>57,609,321,088</i>	<i>1,814,750,000</i>
<i>Dự án KonTum</i>	<i>171,439,019</i>	-
<i>Dự án CVPM Thủ Thiêm</i>	<i>2,343,728,207</i>	-
Chi Nhánh Bắc Ninh	111,787,346,082	99,218,752,592
<i>Dự án KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn</i>	<i>110,498,825,082</i>	<i>99,152,651,592</i>
<i>Dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng</i>	<i>1,276,521,000</i>	<i>43,101,000</i>
<i>Dự án Khu đô thị mới Bắc Tân Lập</i>	<i>12,000,000</i>	-
<i>Khảo sát địa chất CT Nhà xưởng lô A5</i>	-	<i>23,000,000</i>
Tổng cộng	173,328,951,883	101,033,502,592

[Thuyết minh chi tiết từng công trình: Mục đích xây dựng công trình, tổng vốn đầu tư theo dự toán, nguồn vốn đầu tư, thời gian dự kiến hoàn thành, thời gian dự kiến đưa vào hoạt động].

Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất				-
Nhà cửa				-
Nhà và QSDD				-
Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Quyền sử dụng đất				-
Nhà cửa				-
Nhà và QSDD				-
Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà cửa	-	-	-	-
Nhà và QSDD	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		9/30/2008		1/1/2008
7.1 Đầu tư vào công ty con		31,690,000,000		-
Tên công ty con	Tỷ lệ			
<i>Cty CP Thanh toán trực tuyến Công Đồng Việt</i>	55%			-
<i>Cty CP truyền thông VTC - Saigontel</i>	51%	31,690,000,000		-
Cộng		31,690,000,000		-
7.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252,805,212,000		244,077,712,000
Tên công ty liên kết, liên doanh				
<i>Viện Công nghệ Viễn thông Sài Gòn</i>		3,005,212,000		2,877,712,000
<i>Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn</i>		200,000,000,000		200,000,000,000
<i>Công ty CP Địa ốc Viễn Đông Việt Nam</i>		49,800,000,000		41,200,000,000
Cộng		252,805,212,000		244,077,712,000
7.3 Đầu tư dài hạn của Văn phòng Công ty		457,295,025,000		462,245,025,000
Tên công ty đầu tư dài hạn				
<i>Công ty CP ĐTXD & VLXD SG</i>		5,000,000,000		5,000,000,000
<i>Ngân hàng TMCP Miền Tây</i>		208,050,000,000		183,000,000,000
<i>Công ty Chứng khoán Kim Long</i>		-		30,000,000,000
<i>Cty CP ĐT & PT Hạ tầng Khu Công nghệ cao SG</i>		21,000,000,000		21,000,000,000
<i>Công ty CP Quản lý Quỹ Bản Việt</i>		15,000,000,000		15,000,000,000
<i>Cty CP ĐTPT trường ĐHHV</i>		5,000,000,000		5,000,000,000
<i>Dự án 300A-B Nguyễn Tất Thành</i>		120,000,000,000		120,000,000,000
				-
<i>Đầu tư khác</i>		83,245,025,000		83,245,025,000
<i>Cty CP Địa ốc Viễn Đông</i>		78,365,000,000		78,365,000,000
<i>Cty CP ĐT Việt Số</i>		4,880,025,000		4,880,025,000
<i>Các khoản đầu tư khác</i>		-		-
Cộng		457,295,025,000		462,245,025,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-		-
Tổng Cộng		741,790,237,000		706,322,737,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty hầu hết không phải là Công ty cổ phần đại chúng và SaigonTel với tư cách là cổ đông sáng lập vẫn còn bị hạn chế theo quy định của cổ đông sáng lập nên Công ty không trích lập dự phòng tài chính.

8. Tài sản dài hạn khác

	9/30/2008	1/1/2008
8.1 Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu năm	519,735,749	127,727,651
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	4,184,285,605	650,555,723
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	1,054,906,153	258,547,625
Trừ: các khoản giảm trừ khác	-	-
Số dư cuối năm	<u>3,649,115,201</u>	<u>519,735,749</u>

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ. Chi phí trả trước được kết chuyển vào chi phí theo nguyên tắc phân bổ vào chi phí không quá 3 năm kể từ khi phát sinh chi phí này.

	9/30/2008	1/1/2008
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	-	-
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.	-	-
- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến ưu đãi tính thuế chưa sử dụng.	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.	-	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>-</u>	<u>-</u>

	9/30/2008	1/1/2008
8.2 Tài sản dài hạn khác		
Văn phòng Công ty	185,876,544	264,764,608
Đặt cọc thuê nhà		158,697,264
Ký quỹ điện thoại quốc tế		10,000,000
Ký quỹ Công ty xây dựng Cửu Long		-
Ký quỹ Công ty LD KCN VN - SIN 900,00 USD #		14,502,600
Ký quỹ ngân hàng		81,564,744
Chi nhánh Tân Tạo	15,000,000	15,000,000
Đặt cọc làm Đại lý Viettel	15,000,000	15,000,000
Cty Cộng Đồng Việt	593,732,304	-
Đặt cọc thuê VP		-
Cộng	<u>794,608,848</u>	<u>279,764,608</u>
Tổng Cộng	<u>4,443,724,049</u>	<u>799,500,357</u>

9. Nợ ngắn hạn

	9/30/2008	1/1/2008
9.1 Vay và nợ ngắn hạn		
Văn phòng Công ty	22,356,000,000	6,224,000,000
Vay ngắn hạn	21,000,000,000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả - NH Đầu tư và Phát triển VN	1,356,000,000	5,424,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả - NH TMCP Nam Việt		800,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi nhánh Tân Tạo	-	142,313,000,000		
<i>Vay ngắn hạn - NH Ngoại thương</i>	-	<i>142,313,000,000</i>		
Tín phiếu phải trả	-	-		
Các khoản thấu chi ngân hàng	-	-		
Cộng	22,356,000,000	148,537,000,000		
Chi tiết các khoản nợ vay	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Cty CP ĐT & PT Hạ tầng K	-	21,000,000,000		21,000,000,000
NH TMCP Nam Việt	-			-
NH Ngoại thương	142,313,000,000	-	142,313,000,000	-
Vay dài hạn đến hạn (-)	6,224,000,000	-	4,868,000,000	1,356,000,000
Cộng	148,537,000,000	21,000,000,000	147,181,000,000	22,356,000,000

(*) Khoản vay ngắn hạn 2.495.993.121 VNĐ từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh HCM theo hợp đồng số 29/2005/271609/HĐ ngày 30/12/2005, trong hạn mức tín dụng 376,906.00 USD với lãi suất là 7,23%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán L/C, thời hạn vay 06 tháng.

(**) Khoản vay ngắn hạn 8.212.224.626 VNĐ từ ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 01/2006/HĐTD, ngày 18/07/2006, với lãi suất là 1,15%/tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thời gian vay 06 tháng. Và theo hợp đồng số 06030 ngày 08/12/2006, với lãi suất 12,26%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động, thời gian vay 12 tháng.

9.2 Phải trả người bán	9/30/2008	1/1/2008
<i>Phải trả khách hàng của Văn phòng Công ty</i>	<i>3,704,738,174</i>	<i>1,772,208,632</i>
<i>Phải trả khách hàng của Chi nhánh Bắc Ninh</i>		<i>37,300,000</i>
<i>Phải trả khách hàng của Chi nhánh Tân Tạo</i>	<i>913,589,066</i>	-
<i>Phải trả khách hàng của Cty Cộng Đồng Việt</i>	<i>195,860,129</i>	-
Cộng	4,814,187,369	1,809,508,632

(*) Cho tới thời điểm lập báo cáo này, chưa nhận được thư xác nhận công nợ từ khách hàng.

9.3 Người mua trả tiền trước	9/30/2008	1/1/2008
<i>Người mua trả tiền trước của Văn phòng Công ty</i>	<i>1,344,571,880</i>	<i>3,442,776,333</i>
<i>Người mua trả tiền trước của Chi nhánh Bắc Ninh</i>	-	<i>11,903,256,326</i>
<i>Người mua trả tiền trước của Chi nhánh Tân Tạo</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước của Cty Cộng Đồng Việt</i>	<i>4,107,953,783</i>	-
Cộng	5,452,525,663	15,346,032,659

9.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	134,684,154	1,590,289,425
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28,359,479	1,564,256,092
Thuế thu nhập cá nhân	82,676,882	26,033,333
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	23,647,793	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Chi nhánh Bắc Ninh	1,873,792,787	40,285,038,347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Thuế giá trị gia tăng	-	11,318,764,794
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,846,970,917	28,966,273,553
Thuế thu nhập cá nhân	26,821,870	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	175,783,251	2,205,162,321
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	175,783,251	2,205,162,321
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cty Cộng Đồng Việt	115,559,186	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	78,318,969	-
Thuế thu nhập cá nhân	37,240,217	-
Cộng	2,299,819,378	44,080,490,093
9.5 Phải trả người lao động	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty		462,832,930
Cty Cộng Đồng Việt	383,728,182	-
Cộng	383,728,182	462,832,930
9.6 Chi phí phải trả	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	1,809,783,302	2,904,066,205
Bưu điện Bình Dương		-
Công ty Viễn thông Quân Đội		189,892,400
KCN Việt Nam - Singapor (VSIP)		18,545,455
Bưu điện Bắc Ninh		5,454,543
Sonov Corporation		
Trích trước chi phí điện nước tòa nhà Quang Trung		68,677,792
Trích trước chi phí lãi vay		1,087,265,785
Trích trước chi phí tòa nhà Quang Trung	-	1,534,230,230
Chi Nhánh Bắc Ninh	308,198,884,951	123,686,399,951
Trích trước chi phí giá vốn của các lô đất đã bán	308,198,884,951	166,448,884,951
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Chi phí tiền điện	-	-
Chi phí tiền vay	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi phí phải trả khác	-	-
Cty Cộng Đồng Việt	29,760,116	-
Cộng	310,038,428,369	126,590,466,156
9.7 Phải trả nội bộ	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	15,631,174,629	132,949,266,655
Chi nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi nhánh Tân Tạo	19,118,718,822	40,030,000,000
Cty Cộng Đồng Việt	50,000,000	-
Cộng	34,799,893,451	172,979,266,655
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	9/30/2008	1/1/2008
<i>Công ty A</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
Cộng	-	-
9.8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9/30/2008	1/1/2008
Văn phòng Công ty	163,503,650,171	183,169,933,157
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	26,789,700
Bảo hiểm xã hội	(8,188,929)	(4,900)
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	640,963,777
Các khoản phải trả, phải nộp khác	163,511,839,100	182,502,184,580
<i>Công ty CP PT Đô Thị Kinh Bắc</i>	<i>156,000,000,000</i>	<i>182,500,000,000</i>
<i>Bà Đặng Thị Hoàng Phương</i>	<i>26,000,000,000</i>	-
<i>Khác</i>	<i>2,210,580</i>	<i>2,184,580</i>
Chi Nhánh Bắc Ninh	-	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
<i>Đặt cọc thuê đất - Công ty Scansia Pacific</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	(142,600)	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Bảo hiểm xã hội	(907,900)	-
Bảo hiểm y tế	765,300	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cty Cộng Đồng Việt	56,896,800	-
Bảo hiểm xã hội	15,014,400	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39,924,000	-
Kinh phí công đoàn	1,958,400	-
Cộng	163,560,404,371	183,169,933,157
Tổng Cộng	543,704,986,783	692,975,530,282
Dự phòng phải trả ngắn hạn (-)	-	-
<i>Công ty A</i>	-	-
<i>Công ty B</i>	-	-
Giá trị thuần các khoản Nợ ngắn hạn	543,704,986,783	692,975,530,282

(*) Cho tới thời điểm lập báo cáo này, chưa nhận được thư xác nhận công nợ từ khách hàng.

(**) Trong năm 2006, Công ty Toàn Thắng lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 168.090.000 VNĐ của những khách hàng trên. Do không còn khả năng thu hồi công nợ.

10. Nợ dài hạn

	9/30/2008	1/1/2008
Phải trả dài hạn người bán	-	-
Phải trả khách hàng trong nước	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
Phải trả khách hàng nước ngoài	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
<i>Nguyễn Văn A</i>	-	-
Cộng	-	-

	9/30/2008	1/1/2008
Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
Vay nội bộ dài hạn	-	-
Phải trả công ty mẹ	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

10.1 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	9/30/2008	1/1/2008
Tài sản thừa chờ giải quyết dài hạn	-	-
Kinh phí công đoàn dài hạn	-	-
Phải trả về cổ phần hoá dài hạn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1,716,930,586		1,716,930,586
<i>Công ty Cp Điện tử và DV Công Nghiệp</i>		306,166,000		306,166,000
<i>Ngân hàng TMCP Miền Tây</i>		135,115,890		135,115,890
<i>Công ty GHP</i>		721,552,692		721,552,692
<i>Ngân hàng TMCP Nam Việt</i>		219,956,100		219,956,100
<i>Công ty Nhật Minh</i>		334,139,904		334,139,904
<i>Công ty Cp DV Kinh Bắc</i>		-		-
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn		-		-
Cộng		1,716,930,586		1,716,930,586
10.2 Vay và nợ dài hạn		9/30/2008		1/1/2008
Vay dài hạn		150,590,000,000		87,927,448,697
<i>Vay ngân hàng</i>		133,590,000,000		87,927,448,697
<i>Vay đối tượng khác</i>		17,000,000,000		-
<i>Trái phiếu phát hành</i>		-		-
Nợ dài hạn		-		-
<i>Thuê tài chính</i>		-		-
<i>Nợ dài hạn khác</i>		-		-
Cộng		150,590,000,000		87,927,448,697
Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
NH Công Thương		11,950,000,000		11,950,000,000
NH ĐT&PT VN	23,064,000,000	-	4,068,000,000	18,996,000,000
NH TMCP Nam Việt	61,087,448,697	21,000,000,000	38,087,448,697	44,000,000,000
Ngân hàng Miền Tây	10,000,000,000	50,000,000,000	-	60,000,000,000
Trừ vay dài hạn đến hạn	6,224,000,000		4,868,000,000	1,356,000,000
Cộng	87,927,448,697	82,950,000,000	37,287,448,697	133,590,000,000

(*) Khoản vay dài hạn 23.064.000.000 VNĐ từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 00310/2005/0000220 ngày 02/02/2005, trong hạn mức tín dụng 55.200.000.000 VNĐ với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: Đề bù, giải tỏa, xây dựng cơ sở hạ tầng cho toàn bộ dự án Khu Công Nghiệp CNTT Kinh Bắc - Bắc Ninh, thời gian vay 84 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(&) Khoản vay dài hạn 9.782.936.477 VNĐ từ ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 06006 ngày 05/10/2006, trong hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VNĐ với lãi suất là 13,8%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng tại Công viên phần mềm Quang Trung, thời gian vay 72 tháng (ân hạn 18 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được bảo đảm bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Các khoản nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và máy móc thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính số 40/2003-HĐ ngày 01 tháng 03 năm 2003. Tổng giá trị hợp đồng là 629,209.88 USD trong thời hạn 72 tháng. Đến ngày 11/05/2007, Công ty đã thanh toán hết giá trị hợp đồng thuê và chuyển qua mua lại tài sản cố định thuê tài chính.

Thời hạn	Cộng	Năm nay		Cộng	Năm trước	
		Trả lãi	Trả gốc		Trả lãi	Trả gốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
Dưới 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả				9/30/2008		1/1/2008
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.				-		-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.				-		-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				-		-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm				9/30/2008		1/1/2008
Dự phòng năm trước				-		-
Trích lập dự phòng				-		-
Hoàn nhập dự phòng				-		-
Dự phòng năm nay				-		-
Tổng Cộng				152,306,930,586		89,644,379,283
Dự phòng phải trả dài hạn (-)		(**)		-		-
<i>Công ty A</i>				-		-
<i>Công ty B</i>				-		-
Giá trị thuần các khoản Nợ dài hạn				152,306,930,586		89,644,379,283

(*) Cho tới thời điểm lập báo cáo này, chưa nhận được thư xác nhận công nợ từ khách hàng.

(**) Trong năm 2006, Công ty Toàn Thắng lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 168.090.000 VNĐ của những khách hàng trên. Do không còn khả năng thu hồi công nợ.

11. Vốn Chủ Sở Hữu

a). Tình hình tăng giảm vốn	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Vốn đầu tư (vốn góp)	450,000,000,000	135,000,000,000	-	585,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	-	(50,000)	-	(50,000)
CL đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
CL tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
LN chưa phân phối	151,491,419,632	142,699,080,908	135,000,000,000	159,190,500,540
Nguồn vốn ĐT XDCB	-	-	-	-
Cộng	601,491,419,632	277,699,030,908	135,000,000,000	744,190,450,540

- Ngày 13/6/08 Công ty chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10 cổ phiếu được chia 3 cổ phiếu

- Số cổ phiếu lẻ do chia cổ tức bằng cổ phiếu Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ

b). Lợi nhuận chưa phân phối	Năm 2008	Năm 2007
------------------------------	-----------------	-----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Số dư đầu năm	151,491,419,632	19,495,472,091
- Tăng trong năm	142,699,080,908	136,689,637,798
+ Lợi nhuận tăng trong năm nay	142,699,080,908	136,689,637,798
+ Điều chỉnh tăng khác	-	-
- Giảm trong năm	135,000,000,000	4,693,690,257
+ Chia cổ tức năm nay	135,000,000,000	-
+ Trích lập các quỹ	-	2,100,000,000
+ Điều chỉnh giảm khác	-	2,593,690,257
- Số dư cuối năm	159,190,500,540	151,491,419,632

(*) Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2005 của Công ty là 948.982.903 VNĐ, công ty đã tạm chia cổ tức là 712.000.000 VNĐ, trích lập các quỹ 181.683.504 VNĐ và điều chỉnh giảm khác - các chi phí đưa sau lợi nhuận tính thuế TNDN là 12.565.380 VNĐ. Tuy nhiên, số liệu tạm chia cổ tức 712.000.000 VNĐ (đưa vào tài khoản 338 - Cổ tức phải trả) cần được sự đồng ý phê duyệt theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2006, đơn vị chưa thực hiện việc phân phối các quỹ và cổ tức.

c). Chi tiết vốn đầu tư

Chi tiết vốn đầu tư	Tổng số	Năm nay		Tổng số	Năm trước	
		Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi		Cổ phần thường	Cổ phần ưu đãi
Vốn nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn cổ đông	6,300,000	6,300,000	-	1,000,000	1,000,000	-
Thặng dư	-	-	-	-	-	-
CP ngân quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	6,300,000	6,300,000	-	1,000,000	1,000,000	-

c). Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN

	Năm 2008	Năm 2007
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	450,000,000,000	450,000,000,000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	135,000,000,000	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	585,000,000,000	450,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

f). Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận		

d). Cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	63,000,000	63,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	58,500,000	45,000,000
<i>Cổ phiếu thường</i>	58,500,000	45,000,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu ngân quỹ)	5	-
<i>Cổ phiếu thường</i>	5	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

				-	-
				58,499,995	45,000,000
				58,499,995	45,000,000
				-	-
e).	Các quỹ của DN	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
	Quỹ đầu tư phát triển				-
	Quỹ dự phòng tài chính				-
	Quỹ khác				-
	Cộng	-	-	-	-

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển: Tái đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính: Phòng ngừa những biến động bất thường về tài chính.

12. Nguồn kinh phí và quỹ khác	9/30/2008	1/1/2008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi - Văn phòng Công ty	(1,340,490,728)	11,000,272
<i>Quỹ khen thưởng</i>		7,212,201
<i>Quỹ phúc lợi</i>	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi - Chi Nhánh Bắc Ninh	30,650,001	75,716,667
<i>Quỹ khen thưởng</i>		-
<i>Quỹ phúc lợi</i>	-	-
Nguồn kinh phí		
<i>Nguồn kinh phí đầu năm</i>	-	-
<i>Nguồn kinh phí được cấp trong năm</i>	-	-
<i>Chi sự nghiệp</i>	-	-
<i>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</i>	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
Tổng cộng	(1,309,840,727)	86,716,939

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.

(*) *Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, đơn vị chưa thực hiện trong năm 2006, việc trích lập sẽ phụ thuộc vào quyết định họp của Đại hội đồng cổ đông.*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
1.1 Tổng Doanh Thu	243,861,016,515	226,272,133,646
+ Doanh thu bán hàng của Văn phòng Công ty	6,508,194,039	4,949,961,913
+ Doanh thu bán hàng của Chi Nhánh Bắc Ninh	91,835,800,000	70,000,000,000
+ Doanh thu bán hàng của Chi Nhánh Tân Tạo	145,508,818,840	151,322,171,733
<i>Doanh thu ghi nhận trong kỳ</i>	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

		-	-
	<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận lũy kế</i>	-	-
	+ Doanh thu bán hàng của Cty Công Đồng Việt	8,203,636	-
1.2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	+ Chiết khấu thương mại	-	-
	+ Giảm giá hàng bán	-	-
	+ Hàng bán bị trả lại	-	-
	+ Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	-	-
	+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
	+ Thuế xuất khẩu	-	-
	Doanh thu thuần	243,861,016,515	226,272,133,646
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	-	-
	+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-

(*) Khoản doanh thu bán hàng của Chi Nhánh Bắc Ninh là khoản doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng. Đây là khoản doanh thu cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và được ghi nhận theo phương pháp "lô đất" tức doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán một lần. Công ty được phép áp dụng phương pháp hạch toán này được hướng dẫn theo thông tư 55/2002/TT-BTC ngày 26/06/2002.

2.	Giá vốn hàng bán	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	Giá vốn hàng bán của Văn phòng Công ty	4,976,376,769	4,064,387,501
	Giá vốn hàng bán của Chi Nhánh Bắc Ninh	51,070,000,000	20,500,000,000
	Giá vốn hàng bán của Chi Nhánh Tân Tạo	145,422,080,692	148,832,089,365
	Giá vốn hàng bán của Cty Công Đồng Việt	8,022,336	-
	Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư	-	-
	Chi phí kinh doanh bất động sản	-	-
	Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	-
	Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	Tổng Cộng	201,476,479,797	173,396,476,866

(*) Giá vốn của hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng được xác định giá vốn "lô đất" đã phát triển hạ tầng cho thuê (quyền sử dụng đất, chi phí liên quan đến đất để hình thành đất đã phát triển hạ tầng, TSCĐ, vật kiến trúc gắn liền trên đất cho thuê được ghi nhận theo nguyên tắc chi phí phải phù hợp với doanh thu, được hướng dẫn cụ thể theo thông tư 55/2002/-TT-BTC ngày 26/06/2002.

3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
	Văn phòng Công ty	1,416,080,734	99,944,729
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89,754,358	99,944,729
	Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,326,000,000	-
	Lãi bán ngoại tệ	-	-
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	326,376	-
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	-	-
	Lãi bán hàng trả chậm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Chi Nhánh Bắc Ninh	125,416,169	26,103,691
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	123,303,327	26,103,691
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,112,842	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	381,166,702	37,110,908
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	381,166,702	37,110,908
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cty Cộng Đồng Việt	104,257,922	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104,257,922	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng Cộng	2,026,921,527	163,159,328
4. Chi phí tài chính	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Văn phòng Công ty	627,780,105	3,576,084
Lãi tiền vay	447,123,646	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115,147,730	3,576,084
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	65,508,729	-
Chi Nhánh Bắc Ninh	8,688	-
Lãi tiền vay	-	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,688	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	411,702	-
Lãi tiền vay	-	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Lỗ bán ngoại tệ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
Chi phí tài chính khác	411,702	-
Cty Cộng Đồng Việt	-	-
Lãi tiền vay	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng Cộng	628,200,495	3,576,084
5. Chi phí bán hàng	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Văn phòng Công ty	-	-
Chi phí nhân viên	-	-
Chi phí văn phòng phẩm	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Chi phí dở dang năm 2005	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	-	16,761,429
Chi phí nhân viên	-	-
Chi phí vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25,365,238	25,365,238
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Chi Nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi phí nhân viên	-	-
Chi phí vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Chi phí bảo hành	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí bằng tiền khác	-	-
Tổng Cộng	-	16,761,429
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Văn phòng Công ty	1,078,444,364	533,142,802
Chi phí nhân viên quản lý	-	446,094,046
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	11,122,703
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	196,093,841
Thuế, phí và lệ phí	-	900,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		348,474,936
Chi phí bằng tiền khác		58,868,767
Chi phí dở dang năm 2005		-
Chi Nhánh Bắc Ninh	367,984,516	147,359,753
Chi phí nhân viên quản lý		204,846,910
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng		20,859,509
Chi phí khấu hao TSCĐ		57,004,446
Thuế, phí và lệ phí		1,017,700
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		70,351,156
Chi phí bằng tiền khác		119,945,086
Chi Nhánh Tân Tạo	195,332,051	163,213,048
Chi phí nhân viên quản lý		-
Chi phí vật liệu quản lý		-
Chi phí đồ dùng văn phòng		-
Chi phí khấu hao TSCĐ		-
Thuế, phí và lệ phí		-
Chi phí dự phòng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài		-
Chi phí bằng tiền khác		-
Cty Cộng Đồng Việt		-
Tổng Cộng	1,641,760,931	843,715,603
7. Thu nhập khác	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Văn phòng Công ty	339,267,000	307,791
Chi Nhánh Bắc Ninh	-	-
Chi Nhánh Tân Tạo	-	-
Cty Cộng Đồng Việt	-	-
Tổng Cộng	339,267,000	307,791
8. Chi phí khác	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Chi từ khoản thanh lý TSCĐ	-	-
Văn phòng Công ty	432,317,236	-
Chi Nhánh Bắc Ninh	-	20,885
Chi Nhánh Tân Tạo	-	-
Tổng Cộng	432,317,236	20,885
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	209,012,625	11,253,906,978
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42,048,446,583	52,175,049,898
Chi phí không hợp lý hợp lệ	30,000,000	-
Chi phí hợp lý hợp lệ năm trước	46,961,000	-
Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	42,031,485,583	52,175,049,898
Văn phòng Công ty	3,401,327,232	973,168,121
- Thu nhập chịu thuế 20%	3,357,869,312	973,168,121
- Thu nhập chịu thuế 10% (phần mềm)	43,457,920	-
Chi nhánh Bắc Ninh	108,136,646,953	19,893,143,420
- Thu nhập chịu thuế 20%	-	2,354,714,169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Thu nhập chịu thuế 10% (cơ sở hạ tầng)	108,136,646,953	17,538,429,251
<i>Chi nhánh Tân Tạo</i>	3,316,359,170	-
- Thu nhập chịu thuế 20%	-	-
- Thu nhập chịu thuế 28%	3,316,359,170	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12,418,164,917	2,419,419,383
<i>Văn phòng Công ty</i>	675,919,654	194,633,624
- Thu nhập chịu thuế 20%	671,573,862	194,633,624
- Thu nhập chịu thuế 10% (phần mềm)	4,345,792	-
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	10,813,664,695	2,224,785,759
- Thu nhập chịu thuế 20%	-	470,942,834
- Thu nhập chịu thuế 10% (cơ sở hạ tầng)	10,813,664,695	1,753,842,925
<i>Chi nhánh Tân Tạo</i>	928,580,568	-
- Thu nhập chịu thuế 20%	-	-
- Thu nhập chịu thuế 28%	928,580,568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1,960,009,531	595,864,668
<i>Văn phòng Công ty</i>	337,959,827	97,316,812
- TNDN được miễn 50% (thuế suất 20%)	335,786,931	97,316,812
- TNDN được miễn 50% (thuế suất 10%)	2,172,896	-
<i>Chi nhánh Bắc Ninh</i>	1,622,049,704	498,547,856
- TNDN được miễn 50% (thuế suất 20%)	-	235,471,417
- TNDN được miễn 50% (thuế suất 10%)	1,622,049,704	263,076,439
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay.	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	209,012,625	11,253,906,978

Đơn vị là Công ty cổ phần mới thành lập. Được hưởng ưu đãi về đầu tư theo luật doanh nghiệp về chế độ miễn và giảm thuế theo quy định của nhà nước.

Văn phòng Công ty

Đối với Văn phòng Công ty Cổ Phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn: Thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2002 đến 2012), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 28%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 2 năm (năm 2002 và năm 2003), giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2004 đến năm 2009). (Năm 2008 là năm thứ 5 được miễn 50% thuế TNDN).

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 28%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). (Năm 2008 là năm thứ 3 được miễn 50% thuế TNDN).

Chi nhánh Bắc Ninh

Đối với Chi Nhánh Công ty tại Bắc Ninh: Thuế suất thuế TNDN là 10%, Chi Nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2004 đến năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016). Hoạt động khác có thuế suất thuế TNDN là 28%.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"): Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 28%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Đối với Chi nhánh Tân Tạo và Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến Cộng Đồng Việt

Thuế suất thuế TNDN là 28%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm nay	Năm trước
--	----------------	------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193,030,231	1,615,531
Chi phí nhân công	3,907,455,679	3,873,730,644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176,688,013	176,688,013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90,000,000	90,000,000
Chi phí khác bằng tiền	495,094,688	89,982,866
Tổng Cộng	4,862,268,612	4,232,017,054
10. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41,822,439,608	40,921,142,920
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	45,000,000	15,000,000
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	929	2,728
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý 3 năm nay	Quý 3 năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41,822,439,608	40,921,142,920

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2008 giảm 37,9% so với quý 2 năm 2008 (67.432.018.564 VND) là do doanh thu từ chuyển nhượng đất và bán nhà xưởng của Chi nhánh Bắc Ninh quý 3 giảm 42,9% so với quý 2.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thuyết minh Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	Quý 1+2 năm 2008
Lợi nhuận trước thuế	144,318,195,368
Khấu hao tài sản cố định	(572,479,358)
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	(4,666,670,743)
Chi phí lãi vay	3,114,260,469
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(88,883,599,595)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	145,623,350,219
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	(124,183,284,149)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	(5,526,536,087)
Tiền lãi vay đã trả	(3,114,260,469)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(32,177,764,456)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1,396,557,666)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

32,534,653,533 -

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2007 có kết quả lỗ do ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ yếu sau:

(*) Khoản công nợ phải thu:

- Khoản công nợ phải thu nội bộ giữa văn phòng Công ty Sài Gòn Tel, Chi nhánh Bắc Ninh và Chi nhánh Tân Tạo có chênh lệch: 42.505.799.843 VNĐ.

- Khoản công nợ phải thu khác: bao gồm chi phí tạm ứng cho Chi nhánh Bắc Ninh thực hiện dự án có chênh lệch: 48.205.910.100 VNĐ, Khoản phải thu khác có chênh lệch: 16.517.390.300 VNĐ, do phải thu tiền góp vốn của cổ đông cam kết góp vốn.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không phát sinh.
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không phát sinh.

Thông tin về các bên liên quan: Trong kỳ, Công ty Cổ Phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn (Sài Gòn Tel) có phát sinh hoạt động cho thuê lại đất (cơ sở hạ tầng) cho bên đi thuê là Công ty Cổ Phần Sản Xuất & Phát Triển Xây Dựng Cửu Long (là cổ đông chiếm 0,24% vốn điều lệ của Công ty) theo hợp đồng thuê đất số 06/HĐ-DDHS/2007 ngày 20 tháng 02 năm 2007 với tổng diện tích cho thuê là 100.000 m², có tổng giá trị là 4.400.000 USD.

Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận".

Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không phát sinh.

Thông tin về hoạt động liên tục: không phát sinh.

Những thông tin khác.

5.1 Số liệu đầu năm

Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính do Công Ty Cổ Phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn lập và trình bày. Các chỉ tiêu đã được trình bày phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

5.2 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư theo yêu cầu của hệ thống kế toán Việt Nam, nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính thì có số dư bằng không.

5.3 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 3 năm 2008	Quý 3 năm 2007
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	32.83%	68.09%
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	67.17%	31.91%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	48.26%	72.45%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	51.51%	27.55%
Khả năng thanh toán			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.07	1.38
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.87	1.01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.02	0.70
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	17.08%	46.50%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	16.99%	36.49%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2.90%	3.40%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn	%	5.63%	12.34%

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2008

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ MỸ HẠNH

ĐẶNG THỊ HOÀNG PHƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

THUYẾT MINH BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thời kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu kỳ trước	50,000,000,000	-	-	-	-	19,495,472,091	69,495,472,091
- Tăng vốn trong năm trước	404,211,000,000	-	-	-	-	-	404,211,000,000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	136,689,637,798	136,689,637,798
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tạm trích quỹ khen thưởng trong năm trước	-	-	-	-	-	2,100,000,000	2,100,000,000
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	4,211,000,000	-	-	-	-	2,593,690,257	6,804,690,257
- Số dư cuối kỳ trước Số dư đầu kỳ này	450,000,000,000	-	-	-	-	151,491,419,632	601,491,419,632
- Tăng vốn trong năm nay	135,000,000,000	-	-	-	-	-	135,000,000,000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	142,699,080,908	142,699,080,908
- Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(135,000,000,000)	(135,000,000,000)
- Tăng khác	-	-	-	(50,000)	-	-	(50,000)
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tạm trích quỹ khen thưởng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
- Số dư cuối kỳ này	585,000,000,000	-	-	(50,000)	-	159,190,500,540	744,190,450,540

Ghi chú: + Ngày 13/6/08 Công ty chốt danh sách cổ đông để chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10 cổ phiếu được chia 3 cổ phiếu

+ Số cổ phiếu lẻ do chia cổ tức bằng cổ phiếu Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ

+ Công ty chưa xin ý kiến cổ đông về việc trích lập các quỹ